

Bản án số: 55/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 03-6-2022

“V/v tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÀ ÔN, TỈNH VĨNH LONG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Hồ Hoàng Phong

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Nguyễn Thị Mến

2. Ông Lê Đức Minh

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Thạch Thị Tuyền -Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long:** không tham gia.

Ngày 03 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 48/2021/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 02 năm 2022, về việc “*Tranh chấp ly hôn, con chung*”, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị Bích N, sinh năm 1980 “có mặt”.

Địa chỉ cư trú: ấp N, xã Nhơn T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long

2. *Bị đơn:* Anh Huỳnh Thanh T, sinh năm 1978 “vắng mặt”.

Địa chỉ cư trú: ấp T, xã B, huyện Y, tỉnh Vĩnh Long.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Trong đơn khởi kiện ngày 07/02/2022 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Trần Thị Bích N trình bày: Chị và anh Huỳnh Thanh T kết hôn năm 1996, đến ngày 05/3/2008 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện T, tỉnh Vĩnh Long. Thời gian chung sống có hạnh phúc, đến năm 2017 thì vợ chồng phát sinh mâu do bất đồng ý kiến, vợ chồng không còn hợp nhau, không có tiếng nói chung nên vợ chồng không còn sống từ năm 2017 đến nay. Nay chị xác định không còn tình cảm với anh T, nên yêu cầu được ly hôn.

Con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Huỳnh Thanh P, sinh ngày, sinh ngày 09/3/2001 và Huỳnh Thị Bích D, sinh ngày 12/10/2003 đã trưởng thành nên chi không yêu cầu gì.

Tài sản chung, nợ chung: Chi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý đơn của anh T, Tòa án đã tổng đạt thông báo về việc thụ lý vụ án; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai, chứng cứ và hòa giải cho bị đơn nhưng phía bị đơn anh T không trả lời ý kiến bằng văn bản về nội dung khởi kiện của nguyên đơn và không đến tham gia phiên họp và hòa giải cho nên không tiến hành phiên họp và hòa giải được giữa các đương sự. Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử và triệu tập các đương sự đến tham gia phiên tòa sơ thẩm nhiều lần nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không lý do.

Tại phiên tòa nguyên đơn trình bày: Giữ yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn vắng mặt.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, qua kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về thẩm quyền giải quyết: Chị Trần Thị Bích N khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Huỳnh Thanh T, có địa chỉ ấp N, xã B, huyện N, tỉnh Vĩnh Long. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn. Do đó, Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Vĩnh Long thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thủ tục tố tụng.

- Về người tham gia tố tụng:

Bị đơn anh Huỳnh Thanh T được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa nhiều lần nhưng anh T vẫn vắng mặt không lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Chị Trần Thị Bích N và anh Huỳnh Thanh T kết hôn và có đăng ký kết hôn ngày 05/3/2008 tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện N, tỉnh Vĩnh Long, theo giấy chứng nhận kết hôn số: 14/2008 và anh chị kết hôn cũng đảm bảo các điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Xét lời trình bày của chị N cho rằng: Quá trình chung sống có hạnh phúc nhưng đến năm 2017 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng ý kiến, do vợ chồng không còn hợp nhau, không có tiếng nói chung nên vợ chồng không còn sống từ năm 2017 đến nay. Nay chị xác định không còn tình cảm với anh T mục

đích hôn nhân không đạt nên yêu cầu được ly hôn. Xét lời trình bày chị N phù hợp với tờ xác nhận của những người cùng áp với vợ chồng chị N. Mặt khác, việc yêu cầu ly hôn của chị N thì anh T không có ý kiến gì. Từ đó, xét thấy lời trình bày của chị N là căn cứ phù hợp với Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình nên chấp nhận.

[3] Về con chung: đã trưởng thành, không yêu cầu gì nên không đặt vấn đề giải quyết.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án, sau này có phát sinh tranh chấp sẽ khởi kiện bằng vụ kiện dân sự khác nên miễn xét.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: N phải nộp 300.000 đồng theo quy định điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng: Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trần Thị Bích N

#### **1. Về hôn nhân:**

Xử cho chị Trần Thị Bích N được ly hôn với anh Huỳnh Thanh T.

#### **2. Về án phí dân sự sơ thẩm:**

Chị Trần Thị Bích N phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị N đã nộp theo biên lai thu số 0014277 ngày 08 tháng 02 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc ngày niêm yết bản án tại nơi cư trú.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

*Nơi nhận:*

- Dương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện T;
- Thi hành án dân sự huyện T;
- Ủy ban nhân dân xã N, huyện B,  
(Giấy kết hôn số: 14, ngày 05/03/2008);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**Hồ Hoàng Phong**